

Bản án số: **42/2025/HC-ST**

Ngày: 19 - 3 - 2025

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Thanh Chín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hằng;
2. Bà Nguyễn Thị Tố Linh.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2021/TLST-HC ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HC ngày 12/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HC ngày 26/02/2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 37/TB-TA ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn L, sinh năm 1952; địa chỉ: Số E, đường V, khu phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Xuân V - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P;
2. Luật sư Phạm Thị Minh H- Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số F, đường N, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Lê Duy L1, Phó Phòng Quản lý quỹ đất.

2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: Số E, đường V, khu phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Sở T (nay là Sở T) tỉnh Bình Thuận.

Đương sự có mặt: ông Nguyễn L, bà Trần Thị P, ông Phùng Lê Duy L1.

Đương sự vắng mặt: Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản đề nghị vắng mặt, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Xuân V vắng mặt.
Luật sư Phạm Thị Minh H có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2020 và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện ông Nguyễn L trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 15128/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Lựu .

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P, thuộc Dự án Khu dân cư Hùng Vương giai đoạn II (khu vực 4 +5) tại phường P, thành phố P với tổng số tiền là 2.055.295.100 đồng, gồm các khoản:

- Bồi thường về đất nông nghiệp, số tiền là 1.294.011.600đồng;
- Bồi thường về tài sản, số tiền là 2.396.000đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, số tiền là 758.887.500đồng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ trả đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố P không chi trả khoản tiền lãi do chi trả chậm theo khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 là trái quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết: bồi thường khoản tiền lãi do chi trả chậm theo khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 là 0,03%/ngày theo quy định của Luật Thuế ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố P: Qua xem xét hồ sơ nhận thấy: hộ ông Nguyễn L có đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu Dân cư H, giai đoạn II (khu vực 4 + 5), phường P, thành phố P theo Quyết định số 15128/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngày 20/12/2016 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4045/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn L với số tiền là 2.055.295.100đồng.

Ngày 28/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P mời ông Nguyễn L để giao Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 và hộ ông L đã nhận quyết định trên.

Tuy nhiên, do Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 2911/UBND-ĐTQH ngày 15/8/2016 về việc chi trả đền bù cho các hộ dân thuộc Dự án khu Dân cư H, giai đoạn 2B; theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đồng ý cho phép chi trả đền bù theo quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho các hộ dân theo các nhóm thứ tự ưu tiên như sau: - *Trong tuyến đường H:* - *Các hộ đã bàn giao mặt bằng trong tuyến T12 và tuyến đường T23 đã thi công:* - *Các khoản hỗ trợ và bổ sung mà các hộ đã giao đất (nằm ngoài tuyến đường H, tuyến đường T12 và tuyến đường T23): Đối với các hộ dân không thuộc 3 nhóm trên tạm thời chưa chi trả, chờ chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh VI.*

Như vậy, theo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh N1 trên, trường hợp của hộ Nguyễn L không thuộc 03 nhóm theo thứ tự ưu tiên, vì vậy Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại thời điểm lúc đó chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ Nguyễn L.

Đến ngày 02/02/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đã chi trả cho hộ ông Nguyễn L số tiền 492.000.000đồng và đến ngày 22/10/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tiếp tục chi trả số tiền còn lại là 1.563.295.100đồng cho hộ ông Nguyễn L (ông L đã nhận tiền đầy đủ theo phiếu chi tiền do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập).

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên xét thấy: hộ ông Nguyễn L đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo các ngày 02/02/2018, ngày 22/10/2018 do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chi trả.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo quy định tại Điều 54 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B khi cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (tức là Ủy ban nhân dân thành phố P) thì tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường lập hồ sơ chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi (tức là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh). Như vậy, trong trường hợp này Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh là cơ quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn L, Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ là cơ quan ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không phải là cơ quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ).

Vì vậy, việc ông Nguyễn L khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hành vi hành chính: bồi thường khoản tiền lãi do chi trả chậm khoản tiền bồi thường do thu hồi đất là không đúng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính quy định:

"3. Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

4. Hành vi hành chính bị kiện là hành vi quy định tại khoản 3 Điều này mà hành vi đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

8. Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính..."

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận áp dụng khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính xem xét tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện, bởi vì hành vi hành chính bị khởi kiện trong trường hợp này không đúng đối tượng; đồng thời áp dụng khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định.

Ý kiến của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận: tại Văn bản số 507/PTQĐ-QLQĐ ngày 06/4/2021 xác định là đã chi trả đầy đủ tiền theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư đối với hộ ông Nguyễn L với số tiền là 2.055.295.100đồng, gửi tài liệu, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Sở T (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T) không có ý kiến và không gửi tài liệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến.
- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết và đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lự .

- Tuyên bố hành vi hành chính không thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật và thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và đối tượng khởi kiện: căn cứ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật là “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, cụ thể trong đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường khoản tiền lãi do chậm chi trả là 0,03%/ngày theo quy định của Luật Quản lý thuế ngày 06/4/2016 và Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Quan hệ pháp luật này được quy định tại các Điều 3, 30, 115 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 93 của Luật Đất đai 2013.

Đối tượng giải quyết trong vụ án này là hành vi thanh toán khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, thuộc một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 của Luật Đất đai 2013, thẩm quyền giải quyết thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (thành phố) theo quy định của Luật Đất đai 2013.

Hành vi của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận không thực hiện hành vi thanh toán khoản tiền do chậm chi trả theo quy định của pháp luật là hành vi làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn L, bà Trần Thị P và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt đến lần thứ hai. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và đương sự có mặt đề nghị tiến hành phiên tòa. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/12/2016 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4045/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P, Dự án Khu Dân cư H, khu vực 4+5, phường P, thành phố P. Đến ngày 29/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông L.

Liên quan đến thời hiệu khởi kiện, nhận thấy sau khi nhận tiền bồi thường về việc thu hồi đất, ông Nguyễn L cùng các hộ dân bị thu hồi đất khiếu nại, yêu cầu, đề nghị chi trả tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, tiền hỗ trợ gửi nhiều cơ quan nhà nước. Tại Công văn số 6146/STNMT-TTPTQĐ ngày 26/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T gửi Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xin chủ trương hỗ trợ tiền lãi chậm trả có nội dung các hộ dân trong đó có hộ ông Nguyễn L nhiều lần đề nghị chi trả tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, tiền hỗ trợ từ năm 2018 nhưng chưa được giải quyết nên ông Nguyễn L khởi kiện đến Tòa án. Do đó, khởi kiện của ông L còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thanh toán khoản tiền lãi do chậm chi trả đối với khoản tiền đã chi trả bồi thường, hỗ trợ, thấy rằng:

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P, thuộc Dự án Khu Dân cư H giai đoạn II

(khu vực 4 + 5) tại phường P, thành phố P với tổng số tiền là 2.055.295.100đồng, gồm các khoản:

- Bồi thường về đất nông nghiệp, số tiền 1.294.011.600đồng;
- Bồi thường về tài sản, số tiền 2.396.000đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm, số tiền 758.887.500đồng.

Ngày 02/02/2018 ông L, bà Phước nhận số tiền 492.000.000đồng, ngày 22/10/2018, ông L, bà Phước nhận số tiền 1.563.295.100đồng. Tổng cộng ông L, bà Phước nhận số tiền là 2.055.295.100đồng theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.

Tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013 quy định: “2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Do đó, ông L yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P thanh toán một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền 2.055.295.100đồng là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận. Điều này phù hợp với nội dung Văn bản số 6146/STNMT-TTPTQĐ ngày 26/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T, về việc xin chủ trương hỗ trợ tiền lãi chậm trả tiền bồi thường cho hộ ông Bùi Hoàng N và các trường hợp tương tự khác thuộc Dự án Khu Dân cư H, khu vực 4+5 (kèm theo Phương án tính lãi của các hộ dân có quyết định bồi thường, hỗ trợ Dự án Khu Dân cư H giai đoạn II (khu vực 4+5), trong đó có hộ ông Nguyễn Lựu .

Về thời hạn chậm trả mà ông L yêu cầu, được tính từ ngày 21/01/2017 (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Đất đai đến ngày 02/02/2018 và ngày 22/10/2018 - là ngày ông L, bà Phước nhận tiền tương ứng với số tiền mà ông L, bà Phước đã nhận.

[5] Từ những nhận định trên nên yêu cầu của ông Nguyễn L về việc bồi thường khoản tiền lãi do chi trả chậm theo khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai là 0,03%/ngày theo quy định của Luật Thuế ngày 06/4/2016 và Nghị định

100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc không thanh toán cho hộ ông Nguyễn L, bà Trần Thị P khoản tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, theo Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P Dự án Khu Dân cư H giai đoạn II (khu vực 4+5) tại phường P, thành phố P số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật và buộc chấm dứt hành vi hành chính này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí: ông Nguyễn L được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3, 4 và 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Điều 22, khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lữ .

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc không thanh toán cho hộ ông Nguyễn L, bà Trần Thị P khoản tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn L - bà Trần Thị P Dự án Khu

Dân cư H giai đoạn II (khu vực 4+5) tại phường P, thành phố P số 4045/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên và thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự ;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**T TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín